TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 67/2023/QĐST-HNGĐ	*Châu Thành, ngày 06 tháng 03 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 86/2023/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Chị **Lê Thị Hồng N,** sinh năm: 1969, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2. Anh **Lê Văn Th,** sinh năm: 1970, địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng N và anh Lê Văn Th tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/8/1996 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 28 năm thì phát sinh mâu thuẫn do có bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn phù hợp. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị Nâu và anh Thanh cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, có căn cứ công nhận cho chị Lê Thị Hồng Nâu và anh Lê Văn Thanh thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị N và anh Th có 02 con chung là Lê Quốc H, sinh ngày 08/3/1990 và Lê Quang H, sinh ngày 10/3/1999 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N và anh Th tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

Về nợ chung: Chị N và anh Th khai không có, không yêu cầu giải quyết ên không xét đến.

[4] Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) chị Lê Thị Hồng N và anh Lê Văn Th phải chịu lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Hồng N và anh Lê Văn Th thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị Nâu và anh Th có 02 con chung là Lê Quốc H, sinh ngày 08/3/1990 và Lê Quang H, sinh ngày 10/3/1999 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Chị N và anh Th tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung:* Chị N và anh Th khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

2. Lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Chị Lê Thị Hồng N và anh Lê Văn Th mỗi người phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà chị N và anh Th tự nguyện nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010862 ngày 16/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị Lê Thị Hồng N và anh Lê Văn Th đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Tiên Long, huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ TÊN VÀ ĐÓNG DẤU)

PHAN THỊ MỸ HẠNH